

Đoạn trường khúc tháng tư đen



Đoạn Trường I

*Mày bảo tao quên sao?
Cứ đến tháng Tư, lại nghe tiếng thét gào
Tiếng phẫn nộ của muôn ngàn dũng sĩ
Đã tuấn tiết cho quê hương kỳ vĩ
Giòng máu tuôn trên khắp nẻo quê hương
Thân một nơi, đầu một nẻo, đoạn trường
Súng gậy, gươm cong, ngựa da còn bọc
Lá cờ kia một thời ngang dọc
Đã lật lay trên trận địa mệnh mông
Giờ nơi đâu, hồn đang hiện trên không ?
Hay ở lại chốn nhau chôn, rốn cắt ?*

Làm những ngọn lửa không bao giờ tắt
Bảo vệ đất đai Tiên Tổ truyền đời.
Mày bảo tao quên sao ?
Cả trăm ngàn anh em giờ vất vưởng chợ đời
Thân dị dạng, tay què, chân gãy
Thằng Trương gàn, chuyên viên súng máy
Vẫn cười vang bên lằn đạn oang oang
Giờ lắt lay, khàn giọng với cây đàn
Hát phố chợ: "Xuân này con không về nghe mẹ!"
Thằng Tùng đen, một thời oai vệ
Súng bên hông, lựu đạn quanh người
Nay âm thầm với cặp mắt không người
Tay rờ rẫm, cây gậy còng, chặm chạp
Mày còn nhớ thằng Vân nói lấp?
Nhưng hiên ngang, sinh tử nhẹ tênh
Bao lần xung phong, nó vẫn phóng một mình
Trước thượng cấp, Đại Bàng ngơ ngác
Nay nó run run, đàn rỏ rá cho người
Một tay, một chân, nó để lại trận địa rồi
Thân còm cõi, khô như cành củi mục
Nếu mày gặp, nhất định mày bật khóc
Vi bạn hiền, nay khốn khổ, lao đao..
Còn bao thằng học khoá mình, ra sao?

Tên **cụt**, **thằng què**, **bụng vài vết đạn**
Có **thằng**, **tháng Tư Đen**, **chân vừa cụt tới háng**
Bị đuổi ra khỏi bệnh viện, **lặc lè**
Máu tuôn trào, **ngã sấp**, **bên hè**
Giờ ngơ **ngác** trong **nhà thương** **tâm trí**
Mày **bảo** **tao** **quên** **sao?**
Khi anh **em ta sống** trong **đời kỳ thị**
Vẫn có **bao** **thằng** **áo** **gấm** **xênh xang**
Hãnh diện "**com lê**", "**áo gấm**" về làng
Khoe nhà cửa, **khoe xe**, **khoe bằng cấp**
Chúng cứ lờ đi, **không dám cúi người thấp**
Nhìn bạn ta, **nằm dưới đất**, **tan hoang**
Thôi, **mày ơi**, **nói nữa**, **lệ** hai hàng
Lại **tuôn chảy** **nghe** **ngào** **như** **suối**
Tao chỉ **mong** **mày**, **dù** **một** **gói** **cơm** **dấm** **dúi**
Gửi **anh em**, **xin lỗi**, **chúng** **tao** **hèn**
Đã **chạy** **thật** **nhANH**, **khi** **tắt** **lửa**, **tối** **đèn**
Bạn **què** **bỏ** **lại**, **bạn** **sang** **thì** **níu** **áo**
Thôi, **tao** **ngừng** **đây**,
Cho **tao** **tạ** **lỗi** **các** **bạn** **hiền**
Cho **tao** **cúi** **đầu** **tưởng** **niệm** **Tháng** **Tư** **Đen**
Chào **tất** **cả** **đồng** **đội** **xưa** **với** **trái** **tim** **tan** **nát...**

Chu TấtTiên

(**một** **đoạn** **trong** **Đoạn** **Trường** **Ca** **Tháng** **Tư** **Đen**)

Bản tình ca Dang Dở...

*Dang Dở tức Tà Áo Xanh - tên một nhạc phẩm của Đoàn Chuẩn - Từ Linh.

Hương Thủy

Tổng biên tập mời tôi lên văn phòng, đề nghị viết một “phóng sự nóng” về vụ công ty du lịch H.S tự ý cắt nguồn nước sinh hoạt và xử dụng cho nông nghiệp của nông dân thuộc huyện Đa Teh tỉnh Lâm Đồng. Mấy đêm nay tự dung không ngủ được, lại muốn thoát ra khỏi sự ngột ngột của Sài gòn những ngày cuối năm, tôi nhận lời.

Về căn chung cư - tổ ấm của hai mẹ con gần hai mươi năm nay - tôi gọi phone cho con trai báo sẽ vắng nhà khoảng ba ngày, dán lên tủ lạnh những dặn dò về thực phẩm và xách ba lô lên đường.



Xe trực chỉ hướng đông nam. Phố xá dần khuất sau lưng, quốc lộ 20 hiện ra trước mắt. Qua địa phận Long Khánh, những rừng cao su xanh ngắt hai bên đường. Mới tuần trước, dân đào hố trồng cây phát hiện bốn bộ hài cốt trong quân phục treillis và ba khẩu M16 rỉ sét. Chắc hẳn đó là những chiến binh thuộc Sư

đoàn 18 của Tướng Lê Minh Đảo vào hai tuần cuối tháng Tư năm 1975 bị tráng. Chiến tranh đã đi qua hơn bốn mươi năm nhưng cuộc chiến về nhân tâm xét cho cùng vẫn còn dai dẳng...

Xe dừng lại ở trung tâm huyện Đạ Huoai, tôi vẫy một chiếc xe ôm vào huyện Đạ Teh. Con đường càng lúc càng lên cao. Mùa khô đã về. Hai bên đường, hoa dã quỳ vàng trải dài ngút mắt. Những cơn gió cao nguyên thổi vào mặt mát lạnh.

Đạ Teh là một huyện mới nằm về phía tây của tỉnh Lâm Đồng. Trước 1975, đây là vùng oanh kích tự do của Không quân miền Nam. Tên huyện cũng là tên của con sông lớn nhất chảy qua địa bàn. Đạ Teh theo tiếng gọi



của người Mạ bản địa là *Nước Nóng*. Nghe nói tên này bắt nguồn từ việc nước con sông bao giờ cũng ấm hơn những con sông khác. Đó từng là một mật khu có bí danh T1, T2, T3; nơi giam giữ tù binh miền Nam trong chiến tranh, đồng thời cũng là một đơn vị hậu cần của Việt Cộng có tên Công Doanh 19/8 chuyên lo lương thực chi viện cho bộ đội chính quy Bắc Việt vùng Lâm Đồng- Đồng Nai Thượng. Sau 75, đây là chốn lưu đày của những gia đình “*Ngụy quân*”, “*Ngụy quyền*” thuộc các tỉnh miền Trung như Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Bình Định... núp dưới chiêu bài xây dựng “*Vùng*

kinh tế mới”; đây cũng là nơi những người dân miền Bắc với hai mươi năm “*đi lên XHCN*” nghèo khổ, khát đất mò vào. Dấu ấn quê hương còn đậm nét qua những tên xã như Triệu Hải, Triệu Phong, Hương Lâm, Quảng Ngãi, An Nhơn, Mỹ Đức, Quốc Oai...

Tôi ngồi bên hồ Dạ Teh. Hồ được hình thành do việc xây dựng đập thủy lợi chắn ngang dòng sông. Mặt hồ xanh biếc, những con sóng lăn tăn dàn đều trên mặt nước. Vài chiếc thuyền nan đang neo nghỉ cạnh bờ. Cảnh đẹp như bức tranh thủy mặc. Người dẫn đường chỉ cho tôi một nghĩa trang nhỏ có khoảng mười mấy ngôi mộ của những người đi mở đất và đã chết khi lao động xây hồ. Đây được xem là công trình thủy lợi lớn nhất của tỉnh Lâm Đồng. Nó cung cấp nước tưới cho hơn ba ngàn mẫu đất của nông dân các xã. Ấy thế mà giờ đây nó sắp trở thành sở hữu cho một tập đoàn tư nhân đang dự định thi công dự án khu du lịch sinh thái có sự tiếp tay của chính quyền sở tại và người dân đang kêu cứu với báo chí!

Tôi cũng đã tiếp xúc với những người nông dân chân lấm tay bùn để có một cơ ngơi được gọi là tạm ổn hôm nay. Với giọng nói chơn chất của nhiều vùng, nhiều miền khác nhau, họ kể cho tôi nghe những ngày khai hoang đầy máu và nước mắt. Bao nhiêu người đã gục ngã vì sương lam chướng khí. Những địa danh còn in đậm gian khổ như dốc “*Ma Thiên Lãnh*”, đảo *Khỉ*... Những tai nạn xảy ra trong lao động như cây ngã, rắn cắn, bọ cạp đốt... xảy ra thường xuyên. Nâng bát nước chè xanh họ mời, tôi nghe như có vị mặn của mồ hôi và máu.

Sau khi thu thập đầy đủ chứng cứ và tư liệu, tôi trở về thị trấn. Chiếc “Cup” thuê của cửa hàng trước nhà nghỉ bỏ ì

ạch qua con dốc. Và khi đã vượt qua đỉnh một cách khổ sở, xe đột ngột tắt máy. Cố gắng mọi cách, sau mấy lần khởi động “on , off”, đành bó tay, chỉ còn một cách là bỏ số 0 (zero) cho nó tuột dốc.

Và nhờ ơn trời, phép màu đã hiện ra khi cuối dốc xuất hiện căn nhà nhỏ trong bức tranh đồng quê vắng lặng. Nếp nhà gỗ mái tranh nép mình trong vườn cây xanh. Hàng cau thẳng trước mặt gợi nhớ khung cảnh của một làng quê miền Trung, làn khói bếp nhẹ nhàng lan tỏa. Trước nhà là cái quán nhỏ có bảng hiệu bằng nhôm cũ kỹ với dòng chữ: “Sơn sửa Honda, xe đạp”.

Tôi chậm mồ hôi, đẩy xe vào. Một cậu con trai đang cầm quyển sách chăm chú học bài. Quán hàng hẹp, bên trái làm chỗ sửa xe với mấy cái lốp cũ treo trên móc. Bên kia là sạp tre đặt lều tèo mấy thau kẹo bánh, bó rau, trái mướp... Cậu bé giúp tôi dựng chiếc xe lên và lễ phép “*Cô chịu khó chờ một chút, ba con đang dỡ tay trong nhà...*”. Ngồi trên chiếc ghế nhỏ, tôi thở ra nhẹ nhõm. Thế nào cũng phải về thành phố chiều nay để kịp cho bài báo lên khuôn.

Người đàn ông bước ra, mũ lưỡi trai che khuất nửa mặt. Ông ta huơ tay xua đàn gà con đang lúc thúc theo mẹ kiếm ăn trước cửa bếp. Cậu bé kêu “*Ba ơi! Có khách*”. Ông vào quán, không ngược mắt lên, hỏi “*Xe bị thế nào cô?*”

Tôi hơi rùng mình... Giọng nói sao nghe quen, ngữ điệu đặc trưng của người Bình Định. Âm thanh như vọng lên từ một cõi xa xăm trong tiềm thức. Và khi ông ta mở thùng đạn đại liên lấy dụng cụ sửa xe, chiếc nhãn Võ Bị trên bàn tay phải có vết sẹo dài thì ký ức tôi sống dậy, chói lòa. Tôi run rẩy, lập bập “Anh, anh Th.???”

Ta quen nhau mùa Thu...

Tháng chín năm 1972.

Cô bạn Như Huy, Ủy viên xã hội của lớp, thò đầu vào hét lên: “ Sáng nay nghỉ học, đi ủy lạo các chiến sĩ Dù trở về từ mặt trận Cổ Thành Quảng Trị...Phòng Sinh Viên Vụ thông báo”.



Lớp Anh vẫn năm thứ nhất nhón nháo. Tường Vy thờ phào: “May quá. Tao chưa soạn bài, thoát khỏi Mr. Malia”. Mấy ông con trai bảo: “ Chuyện này chỉ dành riêng cho các Em gái hậu phương. Chúng tôi đi cà phê đây”.

Kim Chi níu tay tôi và Tường Vy: “Trốn qua phố chơi đi. Hàng vải Bảo Thanh về mấy mặt hàng rất đẹp. Mới lĩnh học bổng tha hồ vi vu”. Như Huy năn nỉ: “Thương tui với. Mấy bạn giúp tui. Đây là đơn vị của ông anh ruột tui là Hoàng Công Thức đó. Tội nghiệp lính mà!”. Liên tưởng đến ông anh trai thuộc Sư đoàn I đang đóng quân ở tiền đồn, tôi nhẹ

nhàng: “*Thôi tội mình đi đi. Cũng là một cơ hội để gặp được Anh tiền tuyến*”.

Cả lớp gần hai mươi nàng kéo nhau lên bờ sông Hương trước mặt Trường Luật. Ôi chao! Lính Dù ở đâu nhiều quá. Những gương mặt vừa kinh qua cuộc chiến sinh tử tái chiếm Cố thành nhưng vẫn mang vẻ hào hoa. Những nụ cười vui vô tư của người trở về từ cõi chết. Cũng không hiếm các khuôn mặt mẫn tơ của những anh lính sớm từ giữa bút nghiên theo nghiệp kiếm cung... Tôi và hai cô bạn thân vén áo dài nhảy lên chiếc GMC có những bàn tay cứng cáp đang chìa ra giúp đỡ. Đoàn xe trực chỉ Lăng Tự Đức, một thẳng cánh của miền sông Hương núi Ngự.

Sau những dè dặt ban đầu, câu chuyện nở như bắp rang. Vốn kiến thức về quân sự có được qua các phóng sự chiến trường của Kiều Mỹ Duyên, Phạm Huân, Dương Phục, Phan Nhật Nam ... được chúng tôi phát huy và các anh lính nhiệt tình góp chuyện. Mấy ông Pháo binh Dù tròn mắt khi nghe tôi “*phét lác*” về bắn Prep, TOT... Một ông Đại úy nói vui : “*Đề nghị Đại Tá Trường, Chỉ huy trưởng Pháo binh Dù xin Bộ Giáo Dục cho cô này đổi về Trường Pháo Binh Dục Mỹ*”. Cả xe cười vui. Tài giỏi chi, chẳng qua tôi nghe lóm từ ông anh Pháo thủ của Sư đoàn *Đền cây số 1*.

Lăng Tự Đức rợp mát. Tiếng thông reo vi vu. Như Huy thuyết trình về lịch sử của Khiêm Lăng đúng như *Cours Lich sử kinh thành Huế* của thầy Phan Văn Dật dạy chúng tôi trong môn nhiệm ý bên Văn Khoa. Kim Chi đi dọc hàng sù cổ thụ lượm một nón hoa tặng cho các anh lính mỗi người một bông. Họ gắn trên mũ, gài trên nắp áo trông thật dễ thương.

Tôi chú ý ông Thiếu úy ngồi một mình trên bậc thềm thủy tạ, mắt nhìn mông lung ra mặt hồ. Cuối thu, sen đã tàn, những tán lá khô vàng là đà trên mặt nước. Tường Vy đẩy nhẹ vai tôi: “*Thủy Tiên ra an ủi anh tiên tuyến kia kìa. Trông gương mặt như mới bị... bỏ đá!*”. “Ừ, thì đi”, tôi đáp. Đêm qua đọc *Mùa hè đỏ lửa* của Phan Nhật Nam thấy thương lính quá.

... Thế là chúng tôi quen anh Th., người sĩ quan xuất thân K24 trường Võ Bị Đà Lạt, khóa đã được Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đặt tên: khóa Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí.

Ta thương nhau mùa Đông...

Tôi sinh ra trong một gia đình có hai anh trai và tôi là gái út. Cha mất sớm, mẹ tần tảo với sạp hàng bên chợ Đông Ba nuôi mẹ chồng và các con ăn học. Như đa số các bà già Huế, mẹ nội tôi rất trọng con trai. Các anh có thể rủ bạn bè về nhà ở hàng tuần, đêm đêm cùng học nhóm hoặc ngâm thơ, đàn ca hát xướng, bình luận về *cô ni, cô tê* dưới tàng cây nhãn cổ thụ. Mẹ tôi coi tất cả như con cháu, thuộc hết tên tuổi và tính nết của họ. Gia đình không giàu có nhưng mẹ tôi từ chợ về bao giờ cũng nhớ mua thêm chút gì cho cả nhóm ăn khuya; lâu không thấy anh nào đến chơi thì mẹ tôi lại nhắc nhở. Và tôi, đưa con nít còn đưa tay quạt mũi nháy lò cò cũng hay được các anh sai vặt “*Út ơi, ra quán mua lửa (mua nợ) cho anh mấy điếu Bastos xanh, không có thì lấy Ruby nghe! Nhớ ba đồng bốn điếu...*”

Nhưng những ngày tươi đẹp qua mau. Chiến tranh đã cướp mất thanh bình, tuổi trẻ và thứ tình yêu mơ mộng của các chàng trai mới lớn. Họ lần lượt lên đường nhập ngũ và ra trường dưới nhiều màu áo khác nhau. Tôi còn nhớ mũ đen Thiết giáp của anh Minh, mũ xanh Thủy quân lục chiến của

anh Trọng...Tôi cũng không quên ngày anh Linh trở về trong chiếc quan tài bọc kẽm và dòng nước mắt thâm lặng của chị Mai hàng xóm.... Hai anh tôi, một người dạy học tận miền Tây xa xôi, người thứ hai đang học dở Đại học cũng bị động viên vào quân trường Thủ Đức và trở thành sĩ quan tiền sát viên của một đơn vị pháo binh đóng ở căn cứ Birmingham.

Mười sáu tuổi, tôi thừa kế “gia tài” của các anh với một chồng dày programme của các rạp chiếu bóng Hưng Đạo, Châu Tinh, Tân Tân ở Huế; những thùng sách truyện đầy ắp để rồi từ đó sau giờ học, tôi mê mải với tài điều binh khiển tướng của Napoleon, Moshe Dayan; hiện sinh với *Một chút mặt trời trong nước lạnh*, *Buồn ơi chào mi!* của F.Sagan; lãng mạn với tiểu thuyết *Mười đêm ngà ngọc* của Mai Thảo và phiêu du trong các bộ truyện chưởng của Kim Dung; khi buồn miệng thì ngâm nga những câu thơ thời chiến bi tráng của Hoàng Cầm, Quang Dũng, Nguyễn Bắc Sơn, Hà Huyền Chi, Trần Hoài Thư ...

Tôi cho anhTh. địa chỉ nhà mình và tìm thấy nơi anh hình ảnh người anh trai cùng trang lứa, của những chàng trai Việt Nam bị cướp đi tuổi trẻ và quyền được sống, được yêu. Tôi hiểu về nỗi buồn sâu thẳm của anh khi nghe anh tâm sự với tôi mà như đang tâm sự với chính mình: vừa mới ra trường được vài tháng thì đã có tin một số bạn đã an giấc ngàn thu, nhất là khi nghe tin Mũ đỏ Trần Đại Chiến xác thân đã nằm đâu đó trên Đồi Gió trong khi người vợ đang mang thai, Mũ xanh Vàng Huy Luyến- người được các TKS K27 ưu ái đặt tên là “*Hiền thân*”-. Trần Đại Chiến, Vàng Huy Luyến...là những người bạn đầu tiên của khóa tử trận, loon thiếu úy còn vàng chóc trên cổ áo. Và đêm hôm trước của ngày đi chơi lặn Tụ Đức thì được tin hai người bạn

cùng đại đội thời ở quân trường, Mũ nâu Nguyễn Trọng Tiến, người bạn luôn nuôi mộng “Đại Bàng” lại sớm ngủ yên tại vùng Đất Đỏ ở Phước Tuy và Mũ nâu Lê Văn Lạ, cũng được coi là một “Hiền thần” của TKS K27, đã ngã xuống bên bờ con suối Tàu Ô, khi cùng Liên đoàn 5 BDQ mở đường bộ vào giải vây An Lộc. Và khi đang ngồi bên nhau,



đọc qua trang cuối của tờ nhật báo mà anh nhận được từ hậu cứ sáng nay, trên mục Cáo phó lại thấy có nhiều tên của K24 như: Phạm Đại Tá, Nguyễn Dzuong Dzuong của Mũ Xanh và Mũ đỏ Nghiêm Xuân Trường trên mặt trận Trị Thiên; Nguyễn Văn Ánh, SĐ21BB trên mặt trận Quốc lộ máu 13. K24 mới ra trường chưa được bao lâu đã được “thử lửa” trong chiến trận mùa hè 1972 thật khốc liệt, thật kinh hoàng như chưa từng có. Lần gặp sau, anh buồn ngủ kể, Mũ xanh Nguyễn Dzuong Dzuong và Mũ đỏ Nghiêm Xuân Trường cùng trở về Saigon trên một chuyến bay quân sự với hình hài được bọc poncho... Trong khi đó mở radio, các cô ca sỹ cứ nức nở “Anh trở về hòm gỗ cài hoa... Anh trở về trên

chiếc băng ca, trên trục thẳng sơn màu tang trắng...” nghe thật náo lòng.

Quê anh ở Bồng Sơn. Từ năm 1965, miền quê ấy đã trở thành “*vùng xôi đậu*”. Gia đình anh tản cư vào Quy Nhơn và anh học trung học ở trường Cường Để. Bốn năm thụ huấn tại Võ Bị, tính ra đã gần trăm lần mặc niệm trước bữa ăn về những niên trưởng đã hy sinh nhưng khi đụng trận anh mới thấy hết được sự tàn khốc của chiến tranh.

Trước ngày ra trường -thường vào cuối năm - các anh hăm hở chọn lựa đơn vị. Ai cũng háo hức mong được về các binh chủng tác chiến. Anh Th. thỏa mãn ước vọng khi về binh chủng nhảy dù và chỉ sau 15 ngày phép đã vội trình diện tại bộ tư lệnh nhảy dù ở trại Hoàng Hoa Thám. Anh và các bạn cùng khóa được phân phối ngay về tiểu đoàn. Chưa quen nếp sống, sinh hoạt của đơn vị đã được ném ngay ra chảo lửa Quảng Trị để bâng hoàng chứng kiến những cái xác cộng quân non choẹt bị xiềng vào xe tăng T54, những gương mặt ngây thơ cứ tuyệt vọng tràn lên, tràn lên trước mũi súng với chiến thuật biển người tàn bạo.

Từ đó, nhà tôi là cái trạm cho anh mỗi lần có dịp về Huế. Mẹ nội và mẹ tôi lại coi anh như những đứa con trai trước đây của gia đình. Mẹ nội nói “*Có mắt chi mô! Cháu mình đóng quân nơi xa xôi cũng được người khác thương yêu như rứa!*”.

Tôi và Kim Chi, Tường Vy đưa anh đi chơi Đại Nội, đọc cho anh nghe những câu thơ hoài cổ của Bà Huyện Thanh Quan; về Cồn Hén ăn chè bắp; qua Chi Lăng ăn bún bò Mụ Rớt cay xé lưỡi để rồi phá ra cười khi anh so sánh “*ăn tô bún bò Huế còn khổ hơn đi đánh giặc các em à!*”

Mùa Đông Huế với cái lạnh cắt da nhưng tình cảm anh em tôi ấm áp biết bao nhiêu!

Ta yêu nhau mùa Xuân... để rồi tàn theo mùa Xuân...

Tháng hai năm 1974.

Từ trường về, tôi thấy anh nằm trên chiếc giường nhỏ, mặc bộ pyjamas cũ của anh tôi và ngủ mê mết. Mẹ nội xoa tay: “*Đừng có ồn. Để yên cho anh nằm. Tay hấn bị thương đó*”. Tôi lặng người nhìn nét mặt hốc hác của anh, bàn tay phải được băng chặt, vết máu còn vương trên miếng compress. Tôi ra giếng, giặt cho anh bộ đồ trận bê bết bùn đất, giữ sạch ba lô. Trong ba lô chỉ có bộ đồ lót, một ống kem Hynos đã bẹp dúm, cái bàn chải toe đầu và một cuốn *Chuyện cảm đàn bà* của nhà văn quân đội Đặng Trần Hoàn mất bìa... Lòng tôi rung rung. Một cảm xúc mới lạ òa vỡ!

Mẹ nội nấu cho anh một tô canh tập tàng với những thứ rau hái vội sau vườn, đĩa cá bóng thệ kho khô đậm bạc nhưng anh nói đây là bữa ăn ngon nhất của anh trong đời. Tôi ngồi bên anh, thêu giúp ba bông mai đen trên cổ áo trận. Anh cầm muỗng ăn bằng tay trái, tôi hỏi có đau không, anh trả lời “*Như kiến cắn thôi. Nếu nặng hơn thì anh đã nằm ở quân y viện Nguyễn Tri Phương rồi, chứ đâu mò ra thăm em được*”. Và thật bất ngờ, anh nói với tôi: “*Sau này em có chịu nấu cơm cho anh ăn suốt đời không?*”. Tôi đỏ mặt gật đầu. Chúng tôi trao nhau những ánh mắt yêu thương. Với tình yêu, đâu cần ngôn ngữ!

Đơn vị anh về dưỡng quân ở Hương Điền, cách Huế 20 cây số, sau một trận tử chiến ở phía tây tỉnh Thừa Thiên. Chúng tôi có cơ hội gặp nhau nhiều hơn. Tôi hãnh diện được anh đón sau buổi học trong bộ quân phục rằn ri. Tôi biết

Thánh tổ Nhảy dù là ông Thánh Micae; biết thế nào là nhảy chuông cu ở trại Hoàng Hoa Thám; biết khi nào thì bấm dù lưng, dù bụng; biết cách gấp dù sau khi tới mặt đất ...Tôi viết cho anh hai câu thơ:

“Em nguyện làm tin đồ ngoan đạo,

Theo anh không quản ngại gian lao”.

Như những người yêu nhau khác, chúng tôi xây đắp ước mơ. Một ngày đẹp trời nào đó khi tôi nghỉ hè, khi anh có phép, chúng tôi sẽ vào Quy Nhơn ra mắt cha mẹ anh ở căn nhà trên đường Nguyễn Huệ, đường lên Ghềnh Ráng, nơi có mộ nhà thơ Hàn Mặc Tử ngày đêm nghe tiếng sóng rì rào. Kim Chi trêu tôi: *“Mi dân Huế chính hiệu về làm dâu người Bình Định, nói chuyện với mẹ chồng phải cần thông dịch viên đó nghe!”*. Mẹ nội tôi bắt đầu những bài *Gia Huấn ca* trong các bữa ăn cho cô cháu gái tương lai sẽ về làm dâu *Xứ Nẫu*.

Anh không đẹp trai, không cao lớn như Từ Hải trong truyện Kiều, nhưng rất chân thật và hào sảng. Trường Võ Bị đã tạo cho các anh tính cách ấy. Những giây phút vui bên nhau, anh say sưa nói về khóa 24 của mình. Anh nói K24 của anh là một trong những khóa qui tụ được những giọng hát lẫy lừng, những ca sỹ trung đoàn SVSQ như Vũ Cao Hiến với “Lệ Đá” bất hủ, đâu có kém chi Sĩ Phú; Nguyễn Dzung Dzung với “Em Tôi” không thua gì Anh Khoa; Tôn Thất Đường chơi được nhiều loại nhạc cụ (ngoài ra Đường còn là một tuyển thủ xuất sắc của đội bóng chuyên trung đoàn SVSQ, cho dù bạn anh chỉ là một người tầm thước, anh nhân mạnh)... Về văn chương thi phú thì khóa 24 cũng không thiếu các nhà thơ, nhà văn như Nguyễn Đức Thạch, Đinh Bá Tâm, Cao Ngọc Sa, Ngọc Thùy Khanh*, Vĩnh Thanh

Vân*,... Những con người tài hoa ấy nếu phải hy sinh thì thật tiếc cho cả một thế hệ. Nhưng rồi, tài hoa Nguyễn Dzuong Dzuong và người bạn cùng khóa Nghiêm Xuân Trường đã “*hòm gỗ phủ màu cờ*” ...Anh đã tạo cho tôi một ấn tượng đẹp về ngôi trường quân sự ở thành phố Đà Lạt mù sương, dù tôi chưa một lần đặt chân đến đó.

... Đơn vị có lệnh rút quân về quận lỵ Đại Lộc, Quảng Nam,



chờ lệnh lên giải vây Thường Đức....Anh nóng lòng khi được biết một Tiểu Đoàn BĐQ và chi khu đang bị cộng quân “*đông như kiến*” vây kín trên đó mà TĐ này có một K24 của anh đang là Đại Đội Trưởng. Đêm trước khi anh lên đường, chúng tôi đi lang thang trên những con đường nội thành. Tôi cầm chặt tay anh, bàn tay phải có vết sẹo hơi cộm lên. Anh bảo “*Là người yêu của lính thì phải cứng rắn, sau này anh còn phải đi hành quân xa mà lỡ nếu như không về thì...*” Tôi bịt vội miệng anh: “*Đừng nói, đừng nói. Em không muốn nghe. Em đợi anh mà!*”. Anh mua cho tôi hai cuốn truyện “*Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh*” và “*Một thời để yêu và một thời để chết*” của nhà văn E.M.Remarque ở nhà sách Ứng

Hạ. Từ đây những bức thư là chiếc cầu nối cho mỗi tình chúng tôi...

Tháng ba năm 75.

Khởi đầu bằng những chuyến xe đò chở dân chúng chạy từ phía bắc vào thành phố. Tiếp theo đó là những đoàn người gồng gánh, tay xách nách mang những gì có thể. Nhà giàu Huế bắt đầu bỏ đi. Rồi con đèo Hải Vân chật cứng xe cộ di tản vào Đà Nẵng. Trên đài phát thanh, Ông Tướng Vùng tuyên bố tử thủ (!). Mẹ tôi đi chợ về nói *“Người ta chộn rộn lắm. Minh có chạy không mẹ?”*. Mẹ nội thờ ra: *“Chạy mô nữa! Nhớ năm 72, chạy vô Đà Nẵng ở tạm bợ trong mấy cái trường học khổ bất chết. Khi về thì nhà bị ăn trộm hết đồ đạc. Để chờ tin thằng hai trên núi đã. Mạ sợ lắm rồi. Mạ tính không chạy mô hết!”* Để trấn an, Mẹ nội còn nói tiếp *“Huế mà mất thì cả nước mất!”*.

Và lời mẹ nội như một sự tiên tri! Thôi, kể làm chi nữa những chuyện đau lòng!

Anh thứ hai của tôi đi “tù cải tạo” ở trại Thanh Cẩm tỉnh Thanh Hóa. Anh đầu chạy vợ từ Cần Thơ ra giúp già gia đình chuyển vào miền Nam, càng xa đây càng tốt. *“Mẹ và mẹ không nhớ Mậu Thân rằng?”* Tiếng nói của người con trai cả như mệnh lệnh trong một gia đình toàn đàn bà. Căn nhà được bán vợ vàng và...tôi xa Huế, xa anh Th. giờ đã biệt vô âm tín.

Sau này, tôi có nhờ cô bạn ở Quy Nhơn tìm đến căn nhà mà anh đã cho địa chỉ trên đường Nguyễn Huệ. Bao nhiêu hy vọng tràn trề. Nhưng căn nhà cũng đã đổi chủ. Người ra tiếp bạn tôi là một ông “cán bộ” người Bắc. Theo

ông cho biết, căn nhà này được “nhà nước” cấp cho, mà ông cũng không cần biết chủ cũ là ai.

Ôi, anh Th. Ôi, mối tình đầu của tôi!

Và thời gian qua... Tôi bị đẩy vào một cuộc sống gia đình buồn tẻ, bên người chồng mà hôn nhân không bắt đầu từ tình yêu. Cuộc sống tinh thần càng lúc càng bế tắc và khi Mẹ nội và mẹ tôi lần lượt qua đời thì tôi cũng quyết định chọn cho mình một sự giải thoát. Tôi làm lại cuộc đời mình với vai trò một bà mẹ độc thân.

Thỉnh thoảng trong giấc mơ, hình ảnh anh Th. hiện về và khi tỉnh giấc bao giờ mặt tôi cũng đầm đìa nước mắt. Tôi hy vọng anh đã thoát được vào tháng tư kinh hoàng năm 75; hoặc trên một chuyến tàu vượt biên; hay những chuyến đi H.O. sau này dành cho những sỹ quan VNCH “*tù cải tạo*”. Trong thâm tâm, bao giờ tôi cũng cầu nguyện cho anh luôn được bình an, hạnh phúc. Hai cuốn truyện anh tặng vẫn nằm trang trọng trên kệ sách dù những trang giấy đã úa vàng. Tôi thường bắt đầu một ngày của mình với bài hát *Dang Dở* của Đoàn Chuẩn-Từ Linh qua giọng ca Lệ Thu trong băng cassette: *Ta quen nhau mùa thu...Ta thương nhau mùa Đông...Ta yêu nhau mùa Xuân để rồi tàn theo mùa Xuân...*Câu hát như một lời nguyện cho mối tình mong manh của chúng tôi! Và giờ đây...

Vĩ Thanh...

Tưởng có thể ôm chầm lấy nhau sau gần bốn mươi năm cách biệt; tưởng có thể òa khóc thật to cho thỏa lòng mong nhớ... Nhưng không. Hai cánh tay anh đưa ra để rồi...buông lỏng.

Anh ngồi trước mặt tôi, khuôn mặt hằn rõ những nếp nhăn gian khổ, đôi bàn tay chai sần, mái tóc lốm đốm bạc. Tất cả cho thấy một cuộc sống không mấy suông sẻ. Cuốn phim dĩ vãng được quay chậm qua giọng kể trầm buồn...

Anh bị đưa ra Bắc ngay trong những ngày đầu tháng tư Bảy lăm theo diện tù binh ở mặt trận Thường Đức. Phải hơn một năm mới được liên hệ với gia đình nhưng cha mẹ anh đã rời Quy Nhơn về lại làng quê nên gần hai năm sau anh mới nhận được tin.

Chấp nhận làm bên thua cuộc có nghĩa là chấp nhận tất cả những gì bị phân biệt đối xử. Anh cũng không hiểu tại sao mình có thể tồn tại khi hằng ngày phải ăn đói mặc rét, lao động khổ sai và chỉ được thăm nuôi hai lần. Ra khỏi tù anh về lại làng xưa nhưng muốn làm một anh nông dân bình thường cũng khó. Ngày nào anh cũng phải đi lên xã viết đi viết lại lời khai. Anh không được đi đâu xa và cũng chẳng thể làm được gì để giúp gia đình đang khốn khó. Anh bị sung vào lực lượng đi phá gỡ bom mìn. Những quả mìn cóc, mìn lá, mìn ba râu... luôn là nỗi ám ảnh kinh hoàng. Cứ chớp mắt là nghe tiếng nổ, là thấy ánh sáng của quầng lửa chói lòa, là nghe tiếng rên la đau đớn của người bên cạnh với một cái chân bay tuốt lên ngọn cây. Có những đêm anh thức trắng. Những lúc ấy anh nhớ về ngày xưa, nhớ về Huế, về tôi với bao nhiêu kỷ niệm nhưng để rồi cũng tự mình lắc đầu, gạt phắt.

Nghe lời cha mẹ, anh lập gia đình với một cô giữ trẻ của Hợp tác xã, ít học và mộc mạc như sắn như khoai. Còn chỉ để mà kén chọn, yêu thương. Tất cả đã thuộc về quá khứ!

Xã phát động phong trào đi kinh tế mới ở Tây Nguyên. Muốn thoát ra khỏi sự hành hạ, khinh khi, gia đình

anh là một trong những người đầu tiên tình nguyện lên đường. Những năm tám mươi, đây là nơi rừng thiêng nước độc. Biết bao người đã ngã xuống vì sốt rét, bệnh tật. Hai vợ chồng anh cũng từng khiêng văng đưa con trai tám tuổi ra bệnh viện huyện nhưng khi qua khỏi con dộc “*Mạ ơi!*” thì đứa bé chỉ còn là một cái xác lạnh ngắt.

Anh đủ tiêu chuẩn đi H.O nhưng khi phỏng vấn, giấy ra trại và giấy khai sinh của đứa con không khớp nhau do sự cầu thả của tay thư ký nhà quê. Thôi thì định mệnh đã an bài, anh cam tâm làm một người nông dân nghèo, giả đui giả điếc nơi chốn thâm sơn cùng cốc.

Đất không phụ người, đến hôm nay đời sống của anh tương đối tạm ổn. Anh gửi gắm kỳ vọng của mình vào hai đứa con còn lại. Hy vọng đời chúng nó sẽ khá hơn! Anh không liên hệ với ai, kể cả bạn bè cũ cùng khóa. Quá khứ của anh chỉ còn lại chiếc nhẫn Võ Bị và hai chữ “*Tự thắng*” trong tâm tưởng...

Xe đã sửa xong. Anh vào nhà rửa tay. Tôi nhét vội vào túi áo của cậu con trai cái phong bì đựng số tiền tạm ứng cho chuyến đi công tác của phòng tài vụ. Anh trở ra với một túi ổi vườn nhà và né tránh ánh mắt tôi. Chao ôi! Bốn mươi năm qua rồi mà anh còn nhớ sở thích ăn ổi của cô bé Su phạm Huế? Mắt tôi mờ đi...

Có nhiều chuyện tình Võ Bị bèn vững qua những giông bão và cũng có không ít mối tình không trọn vẹn như của chúng tôi. Nhưng muôn đời đó vẫn là mối tình đẹp không bao giờ quên. Ôi! Phải chi tôi được cầm lại bàn tay anh, dù chỉ một lần...

Hương Thủy 04/2016